

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 05/2016/NQ-HĐND

*Bình Định, ngày 22 tháng 4 năm 2016*

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định về hệ số điều chỉnh giá đất năm 2016 để xác định giá đất tính  
thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất trên địa bàn tỉnh Bình Định**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH  
KHÓA XI, KỲ HỌP THỨ 13**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất;

Căn cứ Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;

Căn cứ Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Sau khi xem xét Tờ trình số 54/TTr-UBND ngày 19 tháng 4 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định về hệ số điều chỉnh giá đất năm 2016 để xác định giá đất tính thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất trên địa bàn tỉnh Bình Định; Báo cáo thẩm tra số 04/BCTT-KT&NS ngày 20 tháng 4 năm 2016 của Ban Kinh tế và Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Nhất trí thông qua nội dung Quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2016 để xác định giá đất tính thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất trên địa bàn tỉnh Bình Định (có Quy định kèm theo).

**Điều 2.** Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

**Điều 3.** Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

**Điều 4.** Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XI, kỳ họp thứ 13 thông qua ngày 22 tháng 4 năm 2016; có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 5 năm 2016./.

**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thanh Tùng**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

### **QUY ĐỊNH**

**Về hệ số điều chỉnh giá đất năm 2016 để xác định giá đất tính thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất trên địa bàn tỉnh Bình Định**

*(Ban hành Kèm theo Nghị quyết định số 05/2016/NQ-HĐND  
ngày 22 tháng 4 năm 2016 của Hội đồng nhân dân  
tỉnh Bình Định, Khóa XI)*

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quyết định này quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2016 để xác định giá đất tính thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất trên địa bàn tỉnh Bình Định.

#### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Hệ số điều chỉnh giá đất quy định tại quyết định này được áp dụng để:

1. Xác định giá đất để tính tiền sử dụng đất, tiền thuê đất đối với trường hợp diện tích tính thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất của thửa đất hoặc khu đất có giá trị (tính theo giá đất trong Bảng giá đất của UBND tỉnh quy định) dưới 20 tỷ đồng gồm các trường hợp như sau:

a. Tổ chức được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, công nhận quyền sử dụng đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất;

b. Hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước giao đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất;

c. Hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với diện tích đất ở vượt hạn mức.

d. Xác định đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm cho chu kỳ ổn định đầu tiên;

đ. Xác định đơn giá thuê đất khi chuyển từ thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm sang thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê theo quy định tại khoản 2 Điều 172 Luật Đất đai;

e. Xác định đơn giá thuê đất khi nhận chuyển nhượng tài sản gắn liền với đất thuê theo quy định tại khoản 3 Điều 189 Luật Đất đai;

**g.** Xác định đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm và đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê khi cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước.

**h.** Xác định đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất (01) một lần cho cả thời gian thuê không thông qua hình thức đấu giá;

**2.** Xác định đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm khi điều chỉnh lại đơn giá thuê đất cho chu kỳ ổn định tiếp theo;

**3.** Xác định giá khởi điểm trong đấu giá quyền sử dụng đất để cho thuê theo hình thức thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm;

**4.** Các trường hợp xác định tiền sử dụng đất, tiền thuê đất chưa quy định tại Điều này thì thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

### **Điều 3. Hệ số điều chỉnh giá đất**

Hệ số điều chỉnh giá đất (gọi tắt là hệ số K) làm căn cứ để thực hiện việc xác định tiền sử dụng đất, tiền thuê đất đối với các trường hợp quy định tại Điều 2 Quyết định này như sau:

1. Thành phố Quy Nhơn quy định tại Phụ lục số 01 kèm theo quyết định này.
2. Thị xã và các huyện quy định tại Phụ lục số 02 kèm theo quyết định này.
3. Đối với đất nông nghiệp:

STT	Các loại đất nông nghiệp	Hệ số điều chỉnh giá đất nông nghiệp trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố (K)			
		Địa bàn các huyện, thị xã			Địa bàn thành phố Quy Nhơn
		Xã	Thị trấn	Phường	
1	Đất vườn ao trong cùng thửa đất có nhà ở	1,5	2	2,5	3
2	Các loại đất nông nghiệp còn lại ( <i>đất trồng lúa, đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm, đất rừng, đất nuôi trồng thủy sản, đất nông nghiệp trong khu dân cư, đất nông nghiệp khác</i> )	1	1	1	1

4. Đối với đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp các dự án ven biển (trong và ngoài Khu kinh tế) và dự án xây dựng khách sạn (từ 3 sao trở lên):

STT	Diện tích đất theo quy hoạch chi tiết được cấp thẩm quyền phê duyệt	Hệ số điều chỉnh giá đất (K)	
		Các dự án ven biển (trong và ngoài Khu kinh tế)	Dự án xây dựng Khách sạn (từ 3 sao trở lên)
1	Đất xây dựng công trình	Áp dụng như đối với đất SXKD phi nông nghiệp quy định cho từng địa bàn huyện, thị xã, thành phố (tại Phụ lục 1, 2)	
2	Đất cây xanh, sân bãi, hành lang, đường nội bộ	0,2	0,3

Trong đó:

- Diện tích để xác định theo quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Giá đất cụ thể của từng loại đất:

+ Đất xây dựng công trình: Được xác định bằng giá đất công bố của tỉnh nhân (x) hệ số điều chỉnh giá đất SXKD phi nông nghiệp quy định tại Phụ lục 1,2.

+ Đất cây xanh, sân bãi, hành lang, đường nội bộ: Được xác định bằng giá đất công bố của tỉnh nhân (x) với hệ số điều chỉnh giá đất theo quy định nêu trên./.

**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thanh Tùng**